



WEEKEND WORKSHEET 23

Exercise 1: Look and read. Put a (V) or (X) in the box.

(Nhìn tranh và đọc, đánh dấu (V) vào câu đúng và (X) vào câu sai)

1		This is a skirt. ☐	4		This is a shirt. ☐
2		This is a T-shirt. ☐	5		This is a sock. ☐
3		This is a hat. ☐	6		This is a shoe. ☐

Exercise 2: Complete the sentences.

(Nhìn tranh và điền từ còn thiếu vào các câu sau)

1. It is  _____. I'm wearing a  _____.

2. It is  _____. I'm wearing a  _____.

3. It is  _____. I'm wearing an  _____.

Exercise 3: Choose a word from the box. (Chọn từ và điền vào chỗ trống)

	shirt photo brown great
	Hi! I'm Bill. This is a of me. I'm wearing a red and blue I've gottrousers. I look

Exercise 4: Reorder the words. (Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. I'm / a/ red/ shirt/ wearing/.

→

2. She/ got/ has/ brown/ trousers/.

→

3. purple/ I've/ got/ shoes/.

→

4. What's/ weather/ the/ like/?

→

5. It/ cold/ 's/.

→

6. Sara/ got/ hasn't/ shoes/.

→

7. haven't / got/ They/ big/ ears/.

→